

Số: /TB-CĐBK

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện công tác đấu giá xe ô tô của Trường Cao đẳng Bắc Kạn

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 349 /QĐ-CĐBK ngày 9/6/2025 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá xe ô tô của Trường cao đẳng Bắc Kạn;

Trường Cao đẳng Bắc Kạn thông báo về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện công tác đấu giá tài sản để thực hiện công tác đấu giá xe ô tô của Trường Cao đẳng Bắc Kạn như sau:

1. Tên đơn vị thực hiện lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Tên đơn vị: Trường Cao đẳng Bắc Kạn;
- Địa chỉ: Số 13, đường Trường Chinh, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;
- Số điện thoại: 0209 3870164.

2. Thông tin về tài sản bán đấu giá và giá khởi điểm:

STT	TÊN TÀI SẢN	HIỆN TRẠNG TÀI SẢN	GIÁ KHỞI ĐIỂM (đồng)
1	01 (một) xe ô tô Vinaxuki 1240T BKS: 97M-000.19	Xe ô tô Vinaxuki 1240T (BKS: 97M-000.19) - Số máy: SD485ZL21114424 - Số khung: RRXCA11SDAV081900 - Sản xuất năm 2010, nơi sản xuất: Việt Nam; đăng ký lần đầu năm 2010 và đưa vào sử dụng đến nay đã sử dụng được 15 năm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiếp nhận và sử dụng từ năm 2010 - Kèm theo 01 chìa khoá xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 97000264 do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/02/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 1106761	13.230.000

2	01 (một) xe ô tô Vinaxuki 1240T BKS: 97M-000.16	Xe ô tô Vinaxuki 1240T (BKS: 97M-000.16) - Số máy: SD485ZL21104404 - Số khung: RRXCA11SDAV051852 - Sản xuất năm 2010, nơi sản xuất: Việt Nam; đăng ký lần đầu năm 2010 và đưa vào sử dụng đến nay đã sử dụng được 15 năm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiếp nhận và sử dụng từ năm 2010 - Kèm theo 01 chìa khoá xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 97000262 do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/02/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 1106845	13.230.000
3	01(một) xe ô tô Vinaxuki 1240T BKS: 97M-000.18	Xe ô tô Vinaxuki 1240T (BKS: 97M-000.18) - Số máy: SD485ZL21091635 - Số khung: RRXCA11SDAV041823 - Sản xuất năm 2010, nơi sản xuất: Việt Nam; đăng ký lần đầu năm 2010 và đưa vào sử dụng đến nay đã sử dụng được 15 năm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiếp nhận và sử dụng từ năm 2010 - Kèm theo 01 chìa khoá xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 97000261 do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/02/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 1106767	13.230.000
4	01(một) xe ô tô Vinaxuki 3500T BKS: 97C-011.73	Xe ô tô Vinaxuki 3500T (BKS: 97C-011.73) - Số máy: CA4D3211H01673144 - Số khung: RRXCD12CK9V050266 - Sản xuất năm 2010 đăng ký lần đầu năm 2010 và đưa vào sử dụng đến nay đã sử dụng được 15 năm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiếp nhận và sử dụng từ năm 2010 - Kèm theo 01 chìa khoá xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 97000235 do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/02/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 1599467	28.490.000
5	01(một) xe ô tô FORD-RANGER 2AW (xe tập lái + xe dùng chung) BKS: 97C - 01130	Xe ô tô FORD-RANGER 2AW (xe tập lái + xe dùng chung) (BKS: 97C - 01130) - Số máy: WLAT578951 - Số khung: THDFDCMRRD5R04129 - Sản xuất năm 2005, nơi sản xuất: Việt	12.572.000

		Nam; đăng ký năm 2005 và đưa vào sử dụng đến nay đã sử dụng được 20 năm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiếp nhận và sử dụng từ năm 2005 - Kèm theo 01 chìa khoá xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 97000257 do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/02/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KA7933665	
6	01(một) xe ô tô FORD-LASER GHIA ; BKS: 97A - 004.93	Xe ô tô FORD-LASER GHIA (BKS: 97A-004.93) - Số máy: FP939542 - Số khung: JS7XXXSRNC5P05548 - Sản xuất năm 2005, nơi sản xuất: Việt Nam; đăng ký lần đầu năm 2005 và đưa vào sử dụng đến nay đã sử dụng được 20 năm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiếp nhận và sử dụng từ năm 2017 - Kèm theo 01 chìa khoá xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 97000250 do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/02/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD4282396	35.000.000
Tổng cộng			115.752.000

Giá khởi điểm: 115.752.000 đồng (bằng chữ: *Một trăm mười lăm triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Mọi tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	Mức tối đa
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0

STT	NỘI DUNG	Mức tối đa
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0

STT	NỘI DUNG	Mức tối đa
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty	4,0

STT	NỘI DUNG	Mức tối đa
	đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nào có nhiều hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trong năm 2024	4,0
2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở chính đang hoạt động trên địa bàn thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	4,0
Tổng số điểm		100

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản Quốc gia và trang thông tin

điện tử của đơn vị.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trường Cao đẳng Bắc Kạn;
- Địa chỉ: Tổ 9, phường Phùng chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

5. Thông tin liên hệ: Phòng Tổ chức hành chính, Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

6. Một số lưu ý:

- Hồ sơ nộp trực tiếp tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn hoặc gửi qua đường Bưu điện (hồ sơ phải được niêm phong trước khi gửi). Nếu gửi qua đường Bưu điện thì thời gian được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ 00 phút của ngày kết thúc thông báo.

- Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả đối với những đơn vị không được lựa chọn.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn trân trọng thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia lựa chọn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Website Trường Cao đẳng Bắc Kạn (đăng tin);
- Ban giám hiệu;
- LĐ phòng TCHC;
- Lưu: VT; TCHC (Biển).

HIỆU TRƯỞNG

Bế Ngọc Tuấn